

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Danh mục dự án kêu gọi đầu tư  
của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.**

**CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 15/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2939/SKHĐT-KTĐN ngày 08/9/2015 về việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, bao gồm:

1. Danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp đến năm 2020.

*(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).*

2. Danh mục dự án kêu gọi nguồn vốn ODA đến năm 2020.

*(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).*

3. Danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức PPP đến năm 2020.

*(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm).*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai dự án phải xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công lãnh đạo chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đạt mục tiêu, yêu cầu đặt ra.

2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT và các ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tạo điều kiện để các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai dự án, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 15/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Các đồng chí PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH (02).

CHỦ TỊCH

The image shows a circular official seal of the Thanh Hoa Provincial People's Committee (UBND Tỉnh Thanh Hóa) with a handwritten signature in black ink over it. The signature is written in a cursive style.

**Nguyễn Đình Xứng**

## Phụ lục 1:

**DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP (FDI, DDI) ĐẾN NĂM 2020**  
 (Kèm theo Quyết định số 8503/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Tổng mức đầu tư (triệu USD)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Đơn vị liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>9.216</b>		
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			<b>6.714</b>		
1	Dự án KCN sản xuất hoá chất	KKT Nghi Sơn		5.000	2016-2020	Ban QLKKT Nghi Sơn
-	Nhà máy sản xuất DOP		75 nghìn tấn/năm			
-	Nhà máy sản xuất muối than đen		110 nghìn tấn/năm			
-	Sản xuất PVC		100 - 300 nghìn tấn/năm			
-	Sản xuất methanol và các sản phẩm từ methanol		600 nghìn tấn/năm			
-	Sản xuất LAB		200 nghìn tấn/năm			
-	Sản xuất nguyên liệu hóa chất cho ngành công nghiệp khác		300 nghìn tấn/năm			
-	Nhà máy sản xuất cao su tổng hợp		50 nghìn tấn/năm			
-	Cung cấp hơi nước và điện		600 MW			
-	Nhà máy cung cấp khí		10.000 tấn/năm			
-	Nhà máy sản xuất xơ, sợi PET		10 vạn tấn/năm			
2	Nhà máy sản xuất ống nhựa UPVC, PE, PTA.	KKT Nghi Sơn	15 - 20 nghìn tấn/năm,	10	2016-2020	Ban QLKKT Nghi Sơn
3	Nhà máy sản xuất khí công nghiệp	KKT Nghi Sơn	100 - 200 nghìn tấn/năm	15	2016-2020	-nt-
4	Nhà máy sản xuất Etylen; PP; EDC; MEG; Butadien.	KKT Nghi Sơn	2,5 triệu tấn các loại/năm	500	2016-2020	-nt-
5	Nhà máy sản xuất gạch không nung từ xỉ than	KKT Nghi Sơn	50 triệu viên/năm	5	2016-2020	-nt-
6	Nhà máy sản xuất nhựa đường	KKT Nghi Sơn	200 nghìn tấn/năm	10	2016-2020	-nt-
7	Nhà máy sản xuất thép không gỉ	KKT Nghi Sơn	200.000 tấn/năm	150	2016-2020	-nt-
8	Nhà máy sản xuất vỏ container	KKT Nghi Sơn	Diện tích đất dự kiến sử dụng: 20 ha. Công suất: 60.000 TEUs/năm	50	2016-2020	-nt-

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Tổng mức đầu tư (triệu USD)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
9	Đầu tư xây dựng cảng container	KT Nghi Sơn	Tiếp nhận cỡ tàu đến 50.000 DWT	200	2016-2020	-nt-
10	Nhà máy sản xuất động cơ diesel	KCN Bim Sơn	30.000 sản phẩm/năm	30	2016-2020	-nt-
11	Nhà máy cơ khí chế tạo phụ tùng và lắp ráp ô tô	KCN Bim Sơn	50.000 xe và 1 triệu sản phẩm phụ tùng/năm	280	2016-2020	-nt-
12	Nhà máy sản xuất và lắp ráp máy nông nghiệp	KCN Bim Sơn	30 triệu SP/năm	13	2016-2020	-nt-
13	Nhà máy sản xuất vật liệu chịu lửa	KCN Ngọc Lặc	15.000 tấn/năm	10	2016-2020	-nt-
14	Nhà máy sản xuất thiết bị điều hoà không khí, sưởi ấm	KCN Tây Bắc Ga	100.000 sp/năm	45	2016-2020	-nt-
15	Khu liên hợp sản xuất sản phẩm công nghiệp chất lượng cao	KCN Tây Bắc Ga		78	2016-2020	Ban QLKKT Nghi Sơn
-	Nhà máy sản xuất cáp quang		5.000 km/năm	12	2016-2020	
-	Nhà máy sản xuất thiết bị nghe nhìn, âm thanh, thiết bị thông tin liên lạc			10		
-	Nhà máy sản xuất thiết bị y tế		10.000 SP/năm	18		
-	Nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa cao cấp			8		
-	Nhà máy sản xuất cáp và vật liệu điện		30.000 tấn/năm	12		
-	Nhà máy sản xuất thiết bị bán dẫn, linh kiện máy tính (ổ CD, DVD...)		500.000 SP/năm	8		
-	Nhà máy sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi thế hệ mới		200.000 SP/năm	10		
16	Nhà máy sản xuất tá dược cao cấp, tá dược từ bột biến tính	KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga	30.000 tấn/năm	25	2016-2020	Ban QLKKT Nghi Sơn
17	Nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học	KCN Lam Sơn - Sao Vàng	25 tấn/năm	10	2016-2020	-nt-
18	Nhà máy sản xuất nguyên liệu đông dược và dược liệu tổng hợp	KCN Thạch Quảng	Dược liệu chiết xuất, sản xuất dược phẩm	10	2016-2020	-nt-
19	Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và sản phẩm mây tre đan xuất khẩu	Các huyện miền núi và trung du	1.000 ha, công suất 50 triệu SP/năm	10	2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT
20	Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và chế biến sản phẩm từ cây luồng	Các huyện: Quan Hóa, Quan Sơn, Lang Chánh, Bá Thước	67.772 ha, ván sản 6000 m3/năm	25	2016-2020	-nt-

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Tổng mức đầu tư (triệu USD)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
21	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc	Các huyện: Ngọc Lặc, Thạch Thành, Như Thanh, Bá Thước	10.000 tấn/năm/nhà máy	15	2016-2020	-nt-
22	Đầu tư phát triển vùng lúa chất lượng cao gắn với chế biến gạo	Các huyện trọng điểm lúa của tỉnh	30.000ha	10	2016-2020	-nt-
23	Đầu tư du nhập và phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao	Các huyện vùng trung du và đồng bằng	5.000 bò cái sinh sản, 10.000 bò cái lai thịt F2, F3	20	2016-2020	-nt-
24	Đầu tư phát triển trang trại chăn nuôi lợn ngoại quy mô lớn, chăn nuôi khép kín	Các huyện miền núi và trung du	40.000 - 50.000 lợn ngoại	25	2016-2020	-nt-
25	Xây dựng vùng nguyên liệu cá rô phi phục vụ chế biến, xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Các huyện: Hà Trung, Thạch Thành, Yên Định, Vĩnh Lộc, Thiệu Hóa, Nông Cống, Thọ Xuân, Triệu Sơn	1.000 ha	30	2016-2020	-nt-
26	Nâng cấp hạ tầng vùng nuôi tôm công nghiệp tập trung	Các huyện: Nga Sơn, huyện Tĩnh Gia, huyện Nông Cống, huyện Hoằng Hóa	400 ha	15	2016-2020	-nt-
27	Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại vùng Đảo Mê	Huyện Tĩnh Gia	100 lồng	8	2016-2020	-nt-
28	Xây dựng, phát triển, mở rộng vùng nguyên liệu cánh kiến đỏ tại huyện Mường Lát	Huyện Mường Lát	2.000 ha	5	2016-2020	-nt-
29	Đầu tư phát triển sản xuất cây Mắc ca	Các huyện ven đường Hồ Chí Minh	1.000 ha	10	2016-2020	-nt-
30	Chế biến cói xuất khẩu	Các huyện Nga Sơn, Quảng Xương, Nông Cống	40 - 42 tấn/ngày	5	2016-2020	-nt-
31	Nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm	Các huyện: Yên Định, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Như Xuân	12 - 15 tấn thịt gia súc, gia cầm/ngày	10	2016-2020	-nt-
32	Đầu tư chế biến các sản phẩm lưỡng gắn với phát triển vùng nguyên liệu lưỡng thâm canh	Các huyện: Ngọc Lặc, Lang Chánh, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Thường Xuân	10.000 ha	15	2016-2020	-nt-

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Tổng mức đầu tư (triệu USD)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
33	Đầu tư chế biến gỗ công nghiệp gắn với phát triển vùng nguyên liệu gỗ lớn	Các huyện: Lang Chánh, Ngọc Lặc, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh	5.000 - 10.000ha	20	2016-2020	-nt-
34	Xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Các huyện, thị xã, thành phố	Quy mô, công suất quy định tại Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 19/9/2013	7	2016-2020	-nt-
35	Đầu tư xây dựng chuỗi sản xuất cung ứng lương thực, thực phẩm phục vụ Khu kinh tế Nghi Sơn	Các huyện, thị xã, thành phố	Cung ứng lương thực 20.000 tấn - 30.000 tấn/năm; thực phẩm các loại từ 10.000 tấn - 20.000 tấn/năm; rau các loại 5.000 tấn - 10.000 tấn/năm	6	2016-2020	-nt-
36	Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu Quế tập trung gắn với chế biến tinh dầu xuất khẩu	Huyện Thường Xuân	7.500 ha	7	2016-2020	UBND huyện Thường Xuân
37	Nhà máy sản xuất sản phẩm phụ trợ cho ngành dệt may, da giày	KCN Hoàng Long, KCN Tây Bắc Ga và các cụm công nghiệp	10 triệu SP/năm	20	2016-2020	Sở Công thương
38	Nhà máy sản xuất gỗ và viên nén nhiệt	Huyện Ngọc Lặc	30.000 m3/năm	5	2016-2020	-nt-
39	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi và sản xuất phân vi sinh	Huyện Triệu Sơn	5.000 - 10.000 tấn/năm	5	2016-2020	-nt-
<b>II</b>	<b>DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>			<b>2.393</b>		
*	<i>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>			<b>98</b>		
40	Nhà máy cung cấp nước sạch tại các huyện	Các huyện: Quảng Xương, Nông Cống, Đông Sơn, Tĩnh Gia, Hà Trung, Vinh Lộc, Thạch Thành, Cẩm Thù.	Cấp nước sạch cho 6.000 hộ dân/huyện.	48	2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT
41	Xây dựng hạ tầng khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng	Huyện Thọ Xuân	800 - 1.000 ha	50	2015-2020	-nt-
*	<i>Hạ tầng đô thị, KKT và KCN</i>			<b>735</b>		
42	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Lam Sơn - Sao Vàng	KCN Lam Sơn - Sao Vàng	550 ha	150	2016-2018	Ban QLKKT Nghi Sơn

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Tổng mức đầu tư (triệu USD)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
43	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN số 4 và KCN số 5 - KKT Nghi Sơn	KKT Nghi Sơn	848 ha	250	2016-2018	-nt-
44	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Ngọc Lặc	KCN Ngọc Lặc	150 ha	80	2016-2020	-nt-
45	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Thạch Quảng	KCN Thạch Quảng	100 ha	55	2016-2020	-nt-
46	Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Bãi Trành	KCN Bãi Trành	116 ha	60	2016-2020	-nt-
47	Hạ tầng cụm công nghiệp dệt may	Các cụm công nghiệp trên địa bàn	Xây dựng cụm công nghiệp dệt, nhuộm, may mặc khoảng 5 triệu SP/năm	50	2016-2020	Sở Công thương
48	Khu đô thị Cửa Đạt	Huyện Thường Xuân		90	2016-2020	Sở Xây dựng
*	<b>Du lịch</b>			<b>800</b>		
49	Khu du lịch sinh thái Trường Lâm	KKT Nghi Sơn	543 ha	270	2016-2020	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
50	Khu du lịch sinh thái Hồ Yên Mỹ	Huyện Nông Cống	120 ha	30	2016-2020	-nt-
51	Đầu tư kinh doanh du lịch tại các khu, điểm du lịch đã được quy hoạch, gồm: Hàm Rồng, Trường Lê, Quảng Cư, Nam Sầm Sơn, Hải Hòa, Hải Tiến, Lam Kinh, Thành Nhà Hồ, suối cá Cẩm Lương, Bến En, Cửa Đạt - Xuân Liên, Trí Nang, Pù Hu, Pù Luông, Nhồi, động Từ Thức và vùng phụ cận, Nghi Sơn, Đảo Mè	Các huyện, thị xã, thành phố	Đầu tư xây dựng các khu nghỉ dưỡng, khách sạn, biệt thự, khu vui chơi giải trí tại các điểm du lịch	500	2016-2020	-nt-
*	<b>Đô thị, Trung tâm TM</b>			<b>500</b>		
52	Xây dựng Khu đô thị trung tâm KKT Nghi Sơn	KKT Nghi Sơn	1.613 ha	500	2016-2020	Ban QLKKT Nghi Sơn
*	<b>Y tế, giáo dục</b>			<b>212</b>		
53	Bệnh viện đa khoa Nghi Sơn	KKT Nghi Sơn	4,5ha; 500 giường bệnh	12	2016-2020	Ban QLKKT Nghi Sơn
54	Trường đại học công nghệ quốc tế Nghi Sơn	KKT Nghi Sơn	6.000 sinh viên	200	2016-2020	-nt-
*	<b>Thể dục thể thao</b>			<b>40</b>		
55	Dự án khu Liên hợp TDTT tỉnh Thanh Hoá	Thành phố Thanh Hóa	Các hạng mục san lấp và hạ tầng kỹ thuật với quy mô 50 ha	40	2016-2020	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
*	<b>Lĩnh vực khác</b>			<b>8</b>		

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư/Nội dung dự án	Tổng mức đầu tư (triệu USD)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Đầu mối liên hệ
1	2	3	4	5	6	7
56	Xây dựng các bến xe các huyện miền núi và thành phố Thanh Hóa	Các huyện miền núi		8	2016-2020	Sở Giao thông Vận tải
<b>III DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG</b>				<b>109</b>		
57	Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy điện quay	KCN Ngọc Lặc	Sản xuất, lắp ráp động cơ, máy phát điện công suất đến 2,5 MW; Máy phát thủy điện nhỏ đến 30 MW và máy phát điện gió, điện từ năng lượng sinh khối.	12	2016-2020	Ban QLKKT Nghi Sơn
58	Nhà máy sản xuất vật liệu, panel pin mặt trời	KCN Ngọc Lặc	Sản xuất vật liệu, panel pin mặt trời phục vụ quá trình thu – biến đổi – lưu trữ năng lượng mặt trời.	17	2016-2020	-nt-
59	Nhà máy sản xuất thiết bị đồng bộ khai thác, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo	KCN Lam Sơn - Sao Vàng	Các nguồn năng lượng tái tạo	20	2016-2020	-nt-
60	Nhà máy điện năng lượng mặt trời nổi lưới	Các huyện miền núi	30 MW	60	2016-2020	Sở Công thương



## DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI NGUỒN VỐN ODA ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 8603/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu USD)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>1.321</b>		
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực nông nghiệp và PTNN kết hợp xóa đói giảm nghèo</b>			<b>273</b>		
1	Sửa chữa, nâng cấp các hồ đập trên địa bàn các huyện Thường Xuân, Quan Sơn, Bá Thước, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Như Thanh, Nông Cống, Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Các huyện	Tưới trên 2.000 ha	32	2016-2020	Theo văn bản số 5612/UBND-THKH ngày 12/6/2015 của UBND tỉnh.
2	Công trình đầu mối và hệ thống kênh trạm bơm Đại Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Huyện Hậu Lộc	Tưới cho 5.000 ha và cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân 05 xã.	21	2016-2020	-nt-
3	Tu bổ, nâng cấp và xử lý các điểm trọng yếu đê hữu sông Cầu Cháy	Các huyện: Yên Định, Thọ Xuân, Thiệu Hóa	45 km	20	2016-2020	
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thủy Thọ Xuân	Các huyện: Thọ Xuân, Triệu Sơn	Tiêu úng và phòng chống lũ cho 10.600 ha đất nông nghiệp; bảo vệ 442.052 dân cư	7	2016-2020	
5	Hệ thống tiêu thủy sông Hoàng, tỉnh Thanh Hóa	Các huyện: Thọ Xuân, Triệu Sơn, Thiệu Hóa, Đông Sơn, Nông Cống, Quảng Xương	Tiêu 122.878 ha	46	2016-2020	
6	Nâng cấp tuyến đê tả sông Chu, tỉnh Thanh Hóa	Các huyện: Thọ Xuân, Thiệu Hóa	34,1 km	105	2016-2020	
7	Cải tạo, nâng cấp đê Tam Điệp, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn	15 km	21	2016-2020	
8	Nạo vét, sửa chữa, cải tạo hệ thống tiêu sông Lý, tỉnh Thanh Hóa	Các huyện: Quảng Xương, Đông Sơn	Nạo vét 74,8 km lòng sông; các công trình trên tuyến	21	2016-2020	

1	2	3	4	5	6	7
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Giao thông</b>			<b>402</b>		*
9	Đường Bim Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa (nối QL 1A với đường Hồ Chí Minh)	Thị xã Bim Sơn và các huyện: Hà Trung, Thạch Thành	Đường cấp III đồng bằng, dài 45,9 km	41	2016-2020	Theo văn bản số 5612/UBND-THKH ngày 12/6/2015 của UBND tỉnh.
10	Đường vành đai phía Tây Thành phố Thanh Hóa (giai đoạn 2)	Thành phố Thanh Hóa	Đường cấp III đồng bằng, dài 8,6 km	105	2016-2020	-nt-
11	Hệ thống đường giao thông phục vụ lâm nghiệp phát triển bền vững ở các huyện miền núi, tỉnh Thanh Hóa	Các huyện miền núi	47 tuyến đường giao thông (đường cấp VI miền núi), dài 380 km	26	2016-2020	-nt-
12	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thanh Hóa	Các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa và thị xã Bim Sơn	Đường cấp III đồng bằng, dài 37,7 km	208	2016-2020	Theo văn bản số 7958/UBND-THKH ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh.
13	Cầu Hoằng Khánh	Hoằng Hoá	Dài 499 m; khổ cầu 10 m	21	2016-2020	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Y tế, Giáo dục</b>			<b>121</b>		
14	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	Huyện Ngọc Lặc	800 giường	24	2016-2020	Theo văn bản số 5612/UBND-THKH ngày 12/6/2015 của UBND tỉnh.
15	Bệnh viện đa khoa mới tỉnh Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	750 giường	46	2016-2020	
16	Trường cao đẳng nghề Nghi Sơn	Khu Kinh tế Nghi Sơn	5.000 học sinh/năm	23	2016-2020	
17	Trung tâm đào tạo lao động xuất khẩu sang Trung Đông	Huyện Quảng Xương	3.000 học sinh/năm	28	2016-2020	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường - cấp thoát nước và phát triển đô thị</b>			<b>458</b>		
18	Thu gom xử lý nước thải thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Thị xã Sầm Sơn và một số xã thuộc huyện Quảng Xương	30.500 m <sup>3</sup> /ngày đêm	19	2016-2020	Theo văn bản số 5612/UBND-THKH ngày 12/6/2015 của UBND tỉnh.
19	Xử lý môi trường đô thị Khu Kinh tế Nghi Sơn	Khu Kinh tế Nghi Sơn		34	2016-2020	
20	Đầu tư hệ thống đèn LED tiết kiệm điện năng thay thế hệ thống đèn cao áp tại tỉnh Thanh Hóa	Các huyện, thị xã và thành phố Thanh Hóa		4	2016-2020	Theo văn bản số 5679/UBND-THKH ngày 15/6/2015 của UBND tỉnh.
21	Cấp nước chuỗi liên kết vùng và thành phố Thanh Hóa	Các huyện, thị xã và thành phố Thanh Hóa		100	2016-2020	Theo văn bản số 5962/UBND-THKH ngày 22/6/2015 của UBND tỉnh.

1	2	3	4	5	6	7
22	Phát triển đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa và thị xã Sầm Sơn	Gồm 04 hợp phần: Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật cơ sở và cải thiện dịch vụ; cấp nước và hệ thống xử lý nước thải; đường và cầu đô thị; nâng cao năng lực.	260	2016-2020	Theo văn bản số 7819/UBND-THKH ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh.
23	Phát triển đô thị Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	Huyện Ngọc Lặc	Gồm 04 hợp phần: Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật cơ sở và cải thiện dịch vụ; cấp nước và cải thiện vệ sinh môi trường; thoát nước và kè sông Cầu Chày; nâng cao năng lực.	41	2016-2020	Theo văn bản số 6768/UBND-THKH ngày 13/7/2015 của UBND tỉnh.
<b>V</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>			<b>68</b>		
24	Bảo tồn, tôn tạo Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ.	Huyện Vĩnh Lộc	5.079 ha	10	2016-2020	
25	Giảm nghèo khu vực miền núi và hỗ trợ phát triển chính sách tỉnh Thanh Hóa	Các huyện		58	2016-2020	

## Phụ lục 3:

## DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC PPP ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 6503/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô, thông số kỹ thuật chủ yếu	TMĐT (triệu USD)	Thời gian KC-HT	Hình thức hợp đồng	Đầu mối liên hệ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>TỔNG SỐ</b>				<b>2.104</b>				
<b>I LĨNH VỰC GIAO THÔNG</b>				<b>1.793</b>				
1	Đường ven biển tỉnh Thanh Hóa	Các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Sầm Sơn, Quảng Xương, Tĩnh Gia	Đường cấp III đồng bằng; dài 62,3 km và một số cầu lớn qua sông	252	2016 - 2020	BT	Sở Giao thông Vận tải	
2	Đại lộ Nam sông Mã (giai đoạn 2)	Thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn và huyện Quảng Xương	Quy mô đường đô thị chủ yếu, thứ yếu và đường gom: tuyến chính 15,5 km, 4 tuyến nhánh dài 9,6 km	161	2016 - 2020	BT, BOT	-nt-	
3	Đường giao thông từ ngã ba Voi đi thị xã Sầm Sơn (giai đoạn 2)	Huyện Quảng Xương, thành phố Thanh Hóa	14 km đường đô thị	46	2016 - 2020	BT, BOT	-nt-	
4	Đường vành đai Đông Tây thành phố Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	7,9 km đường phố chính đô thị cấp II	60	2016 - 2020	BT	-nt-	
5	Đường giao thông từ cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn (giai đoạn hoàn chỉnh)	Các huyện: Thọ Xuân, Triệu Sơn, Như Thanh, Nông Cống, Tĩnh Gia	Đầu tư phần còn lại của Tiểu DA1 và toàn bộ Tiểu DA2 đạt tiêu chuẩn đường cấp II đồng bằng, dài 138 km.	654	2016-2020	BOT	-nt-	
6	Đường Bim Sơn - Nga Sơn - Hậu Lộc	Thị xã Bim Sơn và các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc	30 km đường cấp III đồng bằng	40	2016 - 2020	BT	-nt-	
7	Cảng Quảng Châu	Huyện Quảng Xương	5 bến cho tàu 1.000 tấn	25	2016 - 2020	BOT	-nt-	
8	Đường từ phà Thẩm đi cầu Đò Đại	Các huyện: Hậu Lộc, Hoằng Hóa	21,5 km đường cấp III đồng bằng	50	2016-2020	BT	-nt-	
9	Đường giao thông nối QL45 - QL47 - QL217 (bao gồm cả cầu vượt sông Chu)	Các huyện: Thọ Xuân, Yên Định, Vĩnh Lộc	20 km và 1 cầu vượt sông Chu	40	2016-2020	BT	-nt-	
10	Đường nối Khu DTLS Lam Kinh với Khu di sản văn hóa Thành Nhà Hồ	Các huyện: Vĩnh Lộc, Yên Định, Thọ Xuân	Đường cấp IV đồng bằng, dài 28 km	55		BOT	-nt-	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô, thông số kỹ thuật chủ yếu	TMBĐT (triệu USD)	Thời gian KC-HT	Hình thức hợp đồng	Đầu mối liên hệ
11	Đầu tư xây dựng đoạn đường từ cầu Tân Điệp đến cầu Tổng Giang, thị xã Bim Sơn	Thị xã Bim Sơn	Dài 3,5 km; mặt cắt ngang là 42 m	10	2016-2020	BT	UBND thị xã Bim Sơn
12	Đường trục chính thuộc Khu đô thị Đông Nam thành phố Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	Đường phố chính đô thị thứ yếu B=25-50 m; tổng chiều dài 9 km	300	2016-2020	BT	UBND thành phố Thanh Hóa
13	Đường gom QL1A, đoạn tránh thành phố Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	Đường phố chính đô thị chủ yếu B=50m, dài 11 km	100	2016-2020	BT	-nt-
<b>II LINH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>				<b>100</b>			
14	Hệ thống xử lý nước thải KKT Nghi Sơn	KKT Nghi Sơn	Nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt: 17.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm (đến năm 2020)	100	2016-2020	BOT	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn
<b>III LINH VỰC Y TẾ</b>				<b>25</b>			
15	Bệnh viện chấn thương - chính hình, tỉnh Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	300 giường bệnh	25	2016-2020	BOT	Sở Y tế
<b>IV LINH VỰC KHÁC</b>				<b>186</b>			
16	Nhà ở dành cho người thu nhập thấp	Thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn và Khu Kinh tế Nghi Sơn	9.300 hộ	9	2016-2020	BOO	Sở Xây dựng
17	Nhà ở dành cho công nhân tại các khu công nghiệp	-nt-	32.441 công nhân	22	2016-2020	BOO	-nt-
18	Nhà ở cho học sinh, sinh viên	-nt-	70.000 học sinh, sinh viên	83	2016-2020	BOO	-nt-
19	Khu tổ hợp thể thao và sân vận động Sầm Sơn	Thị xã Sầm Sơn	Diện tích 31 ha; sân vận động 30.000 chỗ ngồi	72	2016-2020	BOT	-nt-